Giải thích: Do đạo lý như vậy mà phẩm tịnh thế gian không được thành. Bây giờ sẽ nói về nó.

Luận nói: Vì sao phẩm tịnh của thế gian không được thành? Nếu chúng sinh chưa lìa dục của cõi Dục, thì chưa đắc tâm của cõi Sắc.

Giải thích: Nếu người lìa dục cõi Dục thì đắc tâm của cõi Sắc, phải tu gia hạnh người tu này có hai loại: 1. Người đang quán hành. 2. Người mới phát Tu hành. Người đang Quán hành, thì đang ở trong Văn tuệ và Tư tuệ. Văn tuệ và Tư tuệ, mỗi mỗi đều có ba phẩm. Tu tập khiến cho tăng trưởng gọi là gia hạnh. Người mới phát tu hành, tức là mới tu Văn tuệ. Hai người này đều chưa lìa dục của cõi Dục, đều chưa đắc Định vị lai. Định vị lai tức là tâm cõi Sắc.

Luận nói: Trước hết khởi thiện tâm cõi Dục, cầu lìa dục cõi Dục, tu hạnh quán tâm.

Giải thích: Nếu người chưa đắc tâm của cõi Sắc, mà được trong Văn tuệ, thì gọi là trước hết khởi tâm thiện của cõi Dục. Trong Văn tuệ, mong lìa dục của cõi Dục mà quán tâm chính là Tư tuệ và tu tuệ, lìa dục cõi Dục cho nên tu hành Tư tuệ và tu tuệ.

Luận nói: Tâm gia hạnh cõi Dục này cùng với tâm cõi Sắc không cùng lúc khởi diệt, cho nên không phải sở huân.

Giải thích: Văn tuệ và Tư tuệ, mỗi mỗi đều có phẩm, tức là gia hạnh. Tại sao tâm này cùng với tâm cõi Sắc không cùng lúc khởi diệt? Vì một là thô tế khác nhau, hai là do động và tịnh khác nhau, ba là do tu tự tánh khác nhau và bốn là do sự ràng buộc và xa lìa khác nhau, cho nên không được cùng lúc khởi diệt. Nếu không là đồng thời có thì tâm ở cõi Sắc không được huân tâm của cõi Dục.

Luận nói: Cho nên tâm thiện của cõi Dục không phải là chủng tử của tâm thiện cõi Sắc.

Giải thích: Tâm cõi Dục đã không bị tâm cõi Sắc huân tập, không phải chủng tử của tâm ở cõi Sắc, thì tâm ở cõi Sắc sinh không có nhân duyên. Nếu không có nhân duyên thì làm sao được sinh? Nếu ông nói trong vô thủy sinh tử đã sinh quả báo của tâm cõi Sắc chưa thuần thục, chủng tử này chưa diệt, có thể là tác nhân của tâm cõi Sắc hiện tại, nghĩa đó không đúng, tại sao vậy?

Luận nói: Tâm cõi Sắc quá khứ vô lượng, bị cách ngăn bởi kiếp khác và tâm khác, về sau không thể lập vì chủng tử của thức của địa tĩnh lự (cõi Sắc) đã không có.

Giải thích: Trong vô thủy sinh tử tâm cõi Sắc được sinh trước, lấy đây làm chủng tử, thì chủng tử này đã không có pháp nhiếp trì, kiếp đã diệt mất, trong sáu đường có vô lượng kiếp, trong mỗi mỗi kiếp có vô lượng tâm, ngăn cách chỗ khởi tâm trước kia. Chủng tử này diệt hết từ lâu, làm thế nào chủng tử này được lập là nhân của tâm cõi Sắc.

Luận nói: Cho nên nghĩa này được thành.

Giải thích: Do nghĩa mà ông đã lập không thành, nên nghĩa mà tôi lập được thành. Tại sao được thành?

Luận nói: Là tất cả chủng tử của tâm tĩnh lặng cõi Sắc, quả báo thức thứ tự truyền lại, lập làm nhân duyên.

Giải thích: Những gì có được trong vô thủy sinh tử, không phải do chí định và bốn định huân tập, bản thức lấy làm chủng tử, được bản thức nắm giữ, thứ tự tương tục truyền lại đến nay không dứt, được lập làm nhân duyên của tâm tĩnh lặng cõi Sắc. Tâm tĩnh lặng cõi Sắc nếu sinh, thì từ tự chủng tử này mà sinh, cho nên không giống với cái chấp không có nhân duyên của ông. Nếu lấy chủng tử đời trước làm nhân duyên, thì hiện tại sự tu văn, tư, và tu tuệ, các chủng tử này còn dụngvào việc gì?

Luận nói: Tâm gia hạnh thiện này lập làm tăng thượng duyên.

Giải thích: Tâm gia hạnh thiện không phải không có công dụng. Do tăng thượng lực này mà tâm của cõi Sắc sinh khởi. Nếu không có tâm gia hạnh này thì không phá được dục của cõi Dục. Nếu dục của cõi Dục không diệt, thì chủng tử của cõi Sắc trước không được sinh tâm cõi Sắc hiện tại. Gia hạnh chỉ được tạo ra tăng thượng duyên của tâm cõi Sắc, không được làm nhân duyên.

Luận nói: Như vậy trong tất cả cõi lìa dục, nghĩa đó nên biết. Như vậy nghĩa phẩm vị thanh tịnh của thế gian, lìa quả báo thức của tất cả chủng tử thì không thể lập.

Giải thích: Hoặc căn cứ theo bốn định lìa dục của cõi Dục, hoặc căn cứ vào lìa dục và cõi Sắc, thì nhân duyên và tăng thượng duyên của tâm cõi Sắc và cõi vô Sắc đều phải hiểu rõ như vậy.

CHƯƠNG 5: XUẤT THẾ GIAN TỊNH

Luận nói: Tại sao phẩm thanh tịnh của thế gian lìa A-lê-da thì không thể được lập?

Giải thích: Bây giờ sẽ nói nghĩa này.

Luận nói: Phật Thế Tôn nói: Từ việc nghe âm thanh khác, và tự suy nghĩ chơn chánh, do hai nhân này mà cái thấy chánh kiến được sinh.

Giải thích: Phẩm thanh tịnh lấy chánh kiến đặt hàng đầu. Chánh kiến này lấy pháp gì làm tăng thượng duyên? Là từ một nơi khác nghe âm thanh và khởi chánh tư duy, hai nhân này tức là tăng thượng duyên của chánh kiến. Hai nhân này mỗi mỗi đều có bốn nghĩa: 1. Có loại chánh kiến thuộc Văn tuệ, vì từ nơi khác nghe âm thanh làm nhân. Có loại chánh kiến thuộc Tư tuệ, là chánh tư duy làm nhân. 2. Hoặc chánh kiến của Thanh-văn, thì từ nơi khác nghe âm thanh làm nhân. Hoặc chánh kiến của Độc Giác và Bồ-tát, thì lấy chánh tư duy làm nhân. 3. Căn cứ kẻ độn căn làm câu thứ nhất, căn cứ theo kẻ lợi căn làm câu thứ hai. 4. Căn cứ Tư tuệ làm câu thứ nhất, căn cứ theo tu tuệ làm câu thứ hai. Do hai nhân này mà chánh kiến được sinh. Hai nhân này đối với chánh kiến là tăng thượng duyên. Nay nói nhân ấy là tên chung, tức là nói duyên làm nhân.

Luận nói: Nghe âm thanh khác và suy nghĩ chân chánh này, không thể huân tập nhĩ thức và ý thức, hoặc cả hai nhĩ và ý.

Giải thích: Âm thanh khác, là pháp môn mà Phật Bồ-tát thành lập. Nghe âm thanh khác là từ những gì được nghe mà hiểu, tức là văn tuệ. Chánh tư duy là như những gì được nghe mà chọn lựa thị phi, tức là Tư tuệ. Hai tuệ này không có nghĩa huân tập riêng từng thứ nhĩ thức và ý thức, cũng không có nghĩa huân tập song song cho cả hai.

Luận nói: Tại sao vậy?

Giải thích: Hai tuệ này tại sao không thể huân tập cho nhĩ thức và ý thức?

Luận nói: Nếu người như nghe mà hiểu và suy nghĩ chân chánh về các pháp, thì lúc đó nhĩ thức không được sinh.

Giải thích: Nếu người đã nghe âm thanh khác, sau đó trong sự sinh Văn tuệ Tư tuệ, thì Văn tuệ Tư tuệ là ý thức, lúc đó nhĩ thức không được sinh, đồng thời Văn tuệ và Tư tuệ không được huân tập nhĩ thức.

Luận nói: Ý thức cũng không được sinh.

Giải thích: Khi sắp sinh chánh kiến, ý thức tương ưng của Tư tuệ

cũng không được sinh.

Luận nói: Vì thức phân biệt loạn động khác xen vào.

Giải thích: Tại sao không được sinh? Do có thức phân biệt tán loạn khởi xen vào giữa, cho nên Tư tuệ này không được sinh liền.

Luận nói: Nếu cùng với Chánh tư duy tương ưng sinh.

Giải thích: Đây là thuyết minh Tư tuệ của thời điểm các căn vị tri và dục tri sắp sinh.

Luận nói: Ý thức này diệt mất đã lâu.

Giải thích: Khi Tư tuệ bắt đầu sinh thì ý thức diệt mất đã lâu.

Luận nói: Sở huân của Văn tuệ đã không có sự huân tập chung.

Giải thích: Tư tuệ do đa văn huân tập mới được trước đây, cùng với sự huân tập đều lui về quá khứ.

Luận nói: Tại sao sau đó lấy thức trước làm chủng tử thì thức sau được sinh ?

Giải thích: Không thể lấy Tư tuệ mới đắc làm chủng tử để được sinh Tư tuệ sau, Tư tuệ trước diệt mất đã lâu, khoảng giữa bi tâm khác làm gián đoạn của tâm khác, không được vượt qua công năng của Tư tuệ trước. Trong Tư tuệ sau, thì Tư tuệ sau mỏng yếu, cũng không thể dẫn khởi chánh kiến, cũng không được nói thức này làm chủng tử sinh chánh kiến. Trong đây thuyết minh không có nghĩa trước sau huân tập nhau. Chưa luận chỗ không đồng thời huân tập nhau.

Luận nói: Lại nữa, tâm thế gian tương ưng với chánh tư duy. Tâm xuất thế gian tương ưng với chánh kiến. Hai thứ tâm này không có khi nào được sinh chung diệt chung.

Giải thích: Chánh Tư tuệ và Chánh tu tuệ, từ bốn niệm xứ đến thế đệ nhất là địa vị của nó. Tâm này chưa chứng thấy tứ đế, gọi là tâm thế gian. Đã chứng thấy Tứ đế thì gọi là pháp lìa tự tánh của xuất thế gian tức là tu đắc pháp cho nên gọi là tâm thanh tịnh. Chánh kiến là phần thứ nhất trong tám thánh đạo. Chánh kiến này cùng với ba mươi bảy phẩm trợ đạo không tương ưng. Do tu đắc tâm thanh tịnh, ba mươi bảy phẩm trợ đạo mới sinh. Do ba mươi bảy phẩm trợ đạo sinh khởi cho nên được xa lìa khỏi thế gian, từ vô thủy đến nay, tâm thế gian và tâm xuất thế gian không có nghĩa đồng thời sinh và đồng thời diệt, vì tánh trái nhau.

Luận nói: Do đó, tâm thế gian này không quan hệ với sự huân tập của thanh tịnh.

Giải thích: Đã không đồng thời sinh diệt cho nên không có nghĩa huân tập lẫn nhau.

Luận nói: Đã không có sự huân tập, thì không được thành chủng

tử xuất thế.

Giải thích: Tư tuệ nếu được huân tập bởi tâm xuất thế, thì có thể được thành chủng tử xuất thế. Đã không có nghĩa bị huân tập, cho nên nghĩa chủng tử xuất thế không thành.

Luận nói: Do đó nếu lìa quả báo thức của tất cả chủng tử thì xuất thế thanh tịnh cũng không được thành.

Giải thích: Nếu lìa bản thức thì tâm xuất thế đã không có nhân duyên cho nên không được thành.

Luận nói: Vì sao trong đó, sự huân tập của Văn và Tư không có nghĩa có thể nhiếp lấy huân tập chủng tử xuất thế?

Giải thích: Trong đó tức là trong Tư tuệ, trong Tư tuệ có đa văn huân tập. Nếu xưa nay đã khởi tâm xuất thế huân tập, thì Tư tuệ này có thể được nghĩa sẽ là Tư tuệ nhiếp trì sự huân tập xuất thế làm chủng tử. Nhưng xưa nay đã chưa từng khởi tâm xuất thế để huân tập Tư tuệ, cho nên không có đạo lý được nói là Tư tuệ nhiếp trì sự huân tập xuất thế làm chủng tử.

Luận nói: Vì sao quả báo của tất cả chủng tử. Thức trở thành nhân của phẩm bất tịnh, hoặc có thể làm nhân nhiễm trược để đối trị với tâm xuất thế thanh tịnh?

Giải thích: Bản thức không nên làm nhân của phẩm bất tịnh. Nếu lập bản thức là nhân nhiễm trược để đối trị tâm xuất thế, thì không được lấy bản thức làm nhân của phẩm bất tịnh. Phẩm bất tịnh tức là tập đế và khổ đế, tức chủng tử của nghiệp phiền não. Tập đế đó có thể sinh ra sinh tử, tức là khổ đế nhiễm trược đối trị liền diệt trừ. Hoặc làm nhân của tâm xuất thế, tức là sinh đạo diệt hoặc. Sinh đạo cùng với phẩm bất tịnh trái nhau, đã lập làm đối trị nhiễm trược và nhân của tâm xuất thế, không nên nói là nhân của phẩm bất tịnh.

Luận nói: Tâm xuất thế này xưa nay chưa từng sinh tập, cho nên quyết định không có sự huân tập.

Giải thích: vô thủy đến nay chưa từng sinh tâm xuất thế, đã không sinh thì huống chi lại tu tập ? Do đó tâm xuất thế quyết định không nghi ngờ là nó không được huân vào bản thức.

Luận nói: Nếu không có sự huân tập, thì tâm xuất thế này từ nhân nào sinh?

Giải thích: Nếu có sự huân tập là chủng tử, thì tâm xuất thế có thể được có nhân, nhưng đã không có huân tập thì tâm xuất thế do không có nhânmà sinh.

Luận nói: Ông nay phải đáp rằng.

Giải thích: Chưa thấy có đạo lý của nhân, cho nên hỏi vặn để khiến cho đáp.

Luận nói: Do pháp giới thanh tịnh sở lưu chánh văn huân tập làm chủng tử nên tâm xuất thế được sinh.

Giải thích: Muốn lựa riêng với chỗ đắc pháp giới của nhị thừa, cho nên nói pháp giới thanh tịnh. Tại sao khác với chỗ đắc của nhị thừa ? hoặc chướng và trí chướng của pháp giới này, diệt hết không thừa cho nên nói là tối thanh tịnh. Pháp giới, là như lý như lường thông với ba vô tánh, lấy làm thể của nó. Chỗ gìn giữ, chính là thuyết chánh pháp, là mười hai Bộ Kinh. Sự nghe đúng đắn, là nhất tâm cung kính không có nghe điên đảo. Cái nghe đúng đắn này mà có sáu thứ huân tập, ý nghĩa khởi trong bản thức. Tâm xuất thế nếu sinh, thì chắc chắn do cái nghe đúng đắn này mà được sinh.

Luận nói: Sự huân tập Văn tuệ này, là cùng với A-lê-da thức đồng tánh hay là bất đồng tánh?

Giải thích: Nếu như thế thì có lỗi gì?

Luận nói: Nếu là tánh của A-lê-da thức, tại sao có thể trở thành đối trị chủng tử của thức này. Nếu bất đồng tánh, thì Văn tuệ chủng tử lấy pháp gì làm y chỉ?

Giải thích: Nếu là Tánh của bản thức, thì tại sao tự tánh có thể làm đối trị? Vì diệt đối với tự tánh. Nếu bất đồng tánh thì sự huân tập Văn tuệ này phải riêng có y chỉ.

Luận nói: Đến Vô thượng Bồ-đề của chư Phật, là sự huân tập Văn tuệ sinh, tùy tại một nơi y chỉ, trong đó cộng quả báo thức đều sinh.

Giải thích: Công năng của cái nghe này từ đâu mà sinh? Tương tục đến ngôi nào? Chư Bồ-tát từ Thập tín trở lên cho đến Vô thượng Bồ-đề công năng nghe này tương tục trụ không mất. Chưa có công năng mới để sinh thì đã có công năng chưa diệt để trụ. Sinh và trụ này trong sáu đường, thân và xứ năm ấm tùy y chỉ một đạo. Trong thân sáu cõi cùng với bản thức câu sinh tương tục bất tận. Tuy cùng với bản thức bất đồng Tánh, nhưng cùng với bản thức câu sinh.

Luận nói: Ví như sữa và nước.

Giải thích: Nước cùng với sữa tuy hoà hợp, nhưng tánh của nó bất đồng mà được câu sinh.

Luận nói: Sự huân tập nghe này tức là chẳng phải bản thức, vì đã thành đối trị chủng tử của thức này.

Giải thích: Công năng nghe này là đối trị của bản thức, không đồng tánh với bản thức. Dù không đồng tánh, nhưng vì không trái nhau

cho nên hằng đồng thời khởi. Tại sao làm đối trị của bản thức?

Luận nói: Trong đây nương vào phẩm hạ sự huân tập mà sự huân tập phẩm trung sinh khởi; nương vào sự huân tập trung phẩm mà sự huân tập phẩm thượng sinh khởi.

Giải thích: Trong đây, tức là trong chỗ nương tựa và trong bản thức. Công năng của sự huân tập cái nghe của ba phẩm, là hạ trung thượng. Hạ tức là Văn tuệ, trung tức là Tư tuệ, thượng tức là tu tuệ. Lại có ba phẩm nữa, là ngay trong ba thứ tuệ này mỗi mỗi khai mở làm ba phẩm. Lại có ba phẩm nữa, là phẩm giải thoát phần, phẩm thông đạt phần và phẩm thông đạt. Văn có ba nghĩa: 1. Văn tư lương, là chỗ phát ra của âm thanh, đây gọi là cú vị (chất vị của câu). 2. Thể nghe, là nhĩ thức. 3. Văn quả là Văn tuệ và chỗ hiểu rõ pháp môn của Văn tuệ. Sự huân tập cái nghe của ba phẩm này tùy theo một phẩm mà sinh, tùy theo một phẩm của công năng đối trị thuộc bản thức. Nếu phẩm hạ sinh, là có khả năng đối trị phẩm thượng thuộc bản thức, cho đến nếu Thượng Phẩm sinh, là hay đối trị phẩm hạ thuộc bản thức.

Luận nói: Tại sao vậy?

Giải thích: Câu hỏi này có ba ý nghĩa: 1. Tại sao có ba Phẩm. 2. Tại sao tương sinh. 3. Tại sao có thể đối trị.

Luận nói: Vì mỗi niệm gia hạnh về Văn, Tư, Tu.

Giải thích: Mỗi niệm chỉ rõ luôn thực hành gia hạnh không gián, nhằm chỉ rõ sự tạo tác làm khởi công dụng không phải tu học xa xôi. Do niệm niệm gia hạnh mà có ba phẩm, được tương sinh cho nên được đối trị. Nếu do niệm niệm gia hạnh mà thành ba phẩm và tương sinh thì nghĩa này khỏi phải nghi ngờ. Tại sao niệm niệm gia hạnh mà thành bản thức đối trị?

Luận nói: Sự huân tập cái nghe đó, hoặc là thượng, hạ, trung phẩm, phải biết đó là chủng tử của pháp thân.

Giải thích: Pháp gì gọi là pháp thân? Chuyển y gọi là pháp thân. Tướng của chuyển y là thế nào? Thành thục tu tập nương vào mười địa và Ba-la-mật. Tướng nó là công đức chuyển y, ra khỏi. Do sự huân tập cái nghe mà bốn pháp được thành: 1. Tin ưa đại thừa là đại chủng tử thanh tịnh. 2. Bát-nhã Ba-la-mật là chủng tử của đại ngã. 3. Hư không khí tam-muội là chủng tử của sự an vui tất định. 4. Đại bi là chủng tử thường hằng. Thường lạc ngã tịnh là bốn đức của pháp thân. Sự huân tập cái nghe này và bốn pháp đó là chủng tử của bốn đức. Khi bốn đức viên mãn thì bản thức đều diệt hết. Sự huân tập cái nghe và bốn pháp đã làm chủng tử của bốn đức, có thể đối trị bản thức, thì sự huân tập cái

nghe chính là chủng tử của năm phần pháp thân. Sự huân tập cái nghe là hành pháp chưa có, nhưng có năm phần pháp thân; cũng chưa có mà có, thì chính là chủng tử của năm phần pháp thân. Sự huân tập cái nghe chỉ là chủng tử của bốn đức đạo, thì bốn đức có thể thành để chỉ rõ bốn đức. Bốn đức xưa nay là có, không từ chủng tử sinh mà từ nhân đặt tên, cho nên xứng với chủng tử.

Luận nói: Do đối trị A-lê-da thức sinh, cho nên nó không thuộc vào tánh A-lê-da thức.

Giải thích: Sự huân tập nghe này không phải làm tăng thêm bản thức mà sinh, vì muốn tổn giảm thế lực của bản thức mà sinh, cho nên có thể đối trị bản thức, cùng với tánh của bản thức trái nhau, không bị thu vào tánh của bản thức. Đây là chỉ rõ pháp thân là quả của sự huân tập nghe.

Luận nói: Pháp giới xuất thế tối thanh tịnh lưu xuất.

Giải thích: Ra khỏi bảy thứ khổ đế, diệt ba thứ tập đế gọi là xuất thế, là chân như của ba vô tánh vốn không có nhiễm ô. Sau đó lìa ba chướng cấu uế cho nên gọi là thanh tịnh tối thắng, đạo của ba thừa từ pháp này mà sinh cho nên gọi là giới, là sự huân tập nghe từ pháp giới tối thanh tịnh lưu xuất. Không thuộc vào tánh bản thức. Đây là chỉ rõ pháp thân là nhân của sự huân tập của cái nghe. Nhân của sự huân tập cái nghe khác với bản thức, quả của sự huân tập cái nghe cũng khác với bản thức. Thể của sự huân tập cái nghe cùng với bản thức là đồng hay là khác?

Luận nói: Tuy pháp thế gian nhưng lại thành tâm xuất thế.

Giải thích: Như ý thức tuy pháp là thế gian, nhưng có thể thông đạt chân như của bốn đế và do đối trị chướng của bốn đế cho nên trở thành tâm xuất thế. Sự huân tập nghe cũng như thế, tuy là pháp thế gian, nhưng vì nhân quả đều là pháp xuất thế, thế nên cũng thành tâm xuất thế.

Luận nói: Tại sao vậy?

Giải thích: Tại sao vậy? Vì pháp này chỉ là xuất thế, không phải pháp thế gian nên có bốn thứ đối trị.

Luận nói: Tâm xuất thế thanh tịnh của chủng tử này khi chưa khởi, thì tất cả tâm trên để đối trị hoặc chướng.

Giải thích: Đây là thứ nhất, chỉ rõ sự đối trị ác tâm. Do đây mà sự huân tập cái nghe hiểu rõ chánh lý, có khả năng biết các sai lầm của các trần, đối với phi lý và các trần mà sinh khởi tâm chán ghét. Tâm chán ghét này có thể đối trị tâm hoặc nhiễm ô phẩm trên, tức là công

năng của sự huân tập cái nghe. Đây gọi chủng tử của tâm đối trị chán ghét, tức là sự huân tập cái nghe. Các căn vị tri và dục tri của Bồ-tát, gọi là tâm xuất thế thanh tịnh. Tâm này khi chưa khởi, là sự huân tập cái nghe, thuộc lãnh vực của Văn tuệ và Tư tuệ. Trong lãnh vực nghe, tư duy, trước kia khi chưa đắc Văn tuệ và Tư tuệ, do cái thấy điên đảo và tư tưởng điên đảo, Kiến đạo và Tu đạo đã phá phiền não hằng khởi tâm cao thượng. Sinh bốn ác nghiệp và bốn ác báo thuộc cõi ác, do đắc pháp này, nên phiền não chưa sinh và nghiệp quả báo đều không khởi được.

Luận nói: Tất cả đối trị sự sinh khởi trong ác đạo.

Giải thích: Đây là thứ hai, chỉ rõ sự đối trị trừ diệt. Do sự huân tập cái nghe khởi dựa vào tương tục, khiến cho tương tục nhập vào tụ chánh định, sự huân tập cái nghe tùy theo đó mà sinh và diệt pháp ác, có khả năng đoạn dứt bốn ác đạo và làm phát sinh thiện đạo. Trước kia đã từng khởi nghiệp ác, phải dẫn đến bốn đường ác, nay do pháp này mà diệt trừ không thọ lại nữa.

Luận nói: Tất cả đối trị hành động ác khiến khổ hoại diệt"

Giải thích: Đây là thứ ba, chỉ rõ sự đối trị bằng cách xa lánh. Nghiệp ác hậu báo đã tạo trong vô thủy sinh tử, có thể khiến cho đọa lạc vào bốn đường ác trong, khi thọ báo về sau. Pháp này có khả năng thay đổi khiến hậu báo không có, liền đó là nghĩa khổ bị hoại diệt.

Luận nói: Có thể dẫn tương tục khiến cho sinh và xứ đó, tùy thuận tương phùng và phụng sự chư Phật Bồ-tát.

Giải thích: Đây là thứ tư, hiển chỉ rõ đối trị bằng cách nương tựa và thu nhiếp. Có khả năng dẫn năm ấm tương tục, khiến cho khi sinh ra có xứ của chư Phật Bồ-tát, tùy thuận tương phùng và phụng sự. Gặp nhau bất ngờ gọi là phùng, thuỷ chung phụng mệnh vâng lời gọi là phụng sự. Người đó nương vào thiện tri thức. Thiện tri thức giúp người ấy sinh thiện căn mà tu bố thí và ái ngữ nhiếp. Vì khiến cho người kia thành thục thiện căn mà tu lợi hành nhiếp. Vì khiến cho người kia đắc giải thoát thiện căn mà tu đồng lợi nhiếp. Nương vào sự thu nhiếp để chỉ rõ bốn nghĩa của sự đa văn: 1. Đa văn y chỉ, là thiện tri thức. 2. Đa Văn nhân, là tâm Bồ-đề. 3. Đa văn thanh tịnh, là như giáo tu hành. 4. Đa văn quả, là tự lợi và lợi tha. Đa văn thứ nhất có nghĩa là gặp gỡ, ba thứ đa văn sau có nghĩa là phụng sự. Lại nữa, ba thứ đối trị trước nương vào đối trị thứ bốn, đối trị thứ tư thì gồm thâu ba pháp đối trị trước. Tại sao vậy? Nếu không có thiện tri thức thì ba thứ trước không được thành. Ba thứ trước nương vào thứ tư. Ba thứ trước tức là công năng của thiện tri thức, bị gom vào đa văn thứ tư.

Luận nói: Sự huân tập nghe này tuy là pháp thế gian nhưng là đều có được của Bồ-tát mới tu quán, phải biết pháp này thuộc về sự thu nhiếp của pháp thân.

Giải thích: Nhĩ thức nghe âm thanh dẫn khởi ý thức, nương vào văn cú mà hiểu rõ nghĩa của nó, niệm niệm luyện tập sinh ra công năng, nắm giữ không mất gọi là sự huân tập cái nghe. Do nghĩa này cho nên nói là pháp thế gian. Bồ-tát có hai lãnh vực: 1. Tại phàm vị. 2. Tại thánh vị. Từ sơ phát tâm đến thập tín trở lại, đều là lãnh vực phàm phu. Từ Thập giải trở lên đều thuộc lãnh vực Thánh. Người mới tu quán tức là phàm phu Bồ-tát, hoặc chỗ đắc sự huân tập nghe của Bồ-tát mới tu quán gọi là pháp thế gian. Tuy là pháp thế gian nhưng mà là nhân chứng đắc của pháp thân, thuộc sự thu nhiếp của pháp thân.

Luận nói: Hoặc điều có được Thanh-văn và Duyên-giác, là thuộc vào giải thoát thân.

Giải thích: Như chỗ có sự huân tập cái nghe của người đã đắc quả cứu cánh của hành nhị thừa, thì còn thuộc sự thu nhiếp của thân giải thoát, huống chi Thanh-văn, Duyên-giác và Bồ-tát. Tại sao vậy? Hai người này chỉ đắc thân giải thoát, không thể đắc pháp thân Như Lai. Hai người này do có thân giải thoát mà họ được ngang bằng với Như Lai không do pháp thân. Như Lai thì do đắc pháp thân, nên tất cả chúng sinh không ai sánh bằng. Bản thức và sự huân tập cái nghe, tuy tương ưng cùng khởi cùng diệt, nhưng bản thức thì giảm dần, không phải bản thức tương tục tăng. nghĩa này tôi hiện đang nói.

Luận nói: Sự huân tập cái nghe này không phải chỗ thu nhiếp A-lê-da thức, mà thuộc sự thu nhiếp của pháp thân và thân giải thoát. Như vậy, từ hạ trung đến thượng phẩm thứ tự tăng dần. Như vậy, quả báo thức thứ tự giảm dần.

Giải thích: Thể của sự huân tập nghe là pháp xuất thế, nhân quả của sự huân tập nghe thuộc sự thu nhiếp của pháp thân và thân giải thoát. Thể của bản thức là pháp xuất thế gian. Nhân của sự huân tập cái nghe là tập đế, quả của sự huân tập cái nghe là khổ đế. Do vậy tự tánh của hai pháp này trái nhau. Do nghĩa này cho nên sự huân tập cái nghe tăng dần, bản thức thì giảm dần. Hạ phẩm của sự huân tập cái nghe sinh thì thượng phẩm của bản thức giảm. Sự huân tập cái nghe tăng đến trung phẩm thì trung phẩm của bản thức giảm. Sự huân tập của cái nghe tăng đến phẩm thượng thì phẩm hạ của bản thức giảm.

Luận nói: Y chỉ tức là chuyển.

Giải thích: Do đạo đế tăng thì Tập đế giảm. Đạo đế tức là phước

đức và trí tuệ, tập đế tức là chủng tử trong bản thức. Do phước đức và trí tuệ tăng dần thì chủng tử giảm dần, cho nên được chuyển y. (chuyển chỗ nương tựa)

Luận nói: Nếu y chỉ hoàn toàn chuyển là có chủng tử, thì quả báo thức liền không có chủng tử tất cả đều hết.

Giải thích: Y chỉ tức là pháp thân của Như Lai, thứ tự tăng dần sinh ra đạo đếvà thứ tự giảm dần Tập đế, đó gọi là hoàn toàn xả. Sơ địa đến nhị địa, cho đến được thành Phật, đó gọi là chuyển. Nghiệp phiền não diệt cho nên nói là không còn chủng tử. Đây là chỉ rõ Hữu dư Niết-bàn. Quả báo tắt ngấm, cho nên nói tất cả đều hết. đây là chỉ rõ Vô dư Niết-bàn. Do nghĩa này, bản thức cùng với đạo tuy là câu sinh, nhưng có tăng giảm khác nhau.

Luận nói: Nếu bản thức và phi bản thức cùng khởi cùng diệt, thì cũng như nước và sữa hoà hợp vậy tại sao bản thức diệt, phi bản thức không diệt?

Giải thích: Trước đã đưa ra nước sữa hòa hợp để ví dụ bản thức và phi bản thức hoà hợp, lại còn đưa ra ví dụ này để vấn nạn. Nước và sữa hoà hợp, đã có sinh diệt thì phải đồng thời, không có nghĩa diệt hết chỉ một thứ nước hay sữa. Bản thức và Phi bản thức hoà hợp cũng như vậy, tại sao một diệt một còn?

Luận nói: Ví như sữa mà ngỗng uống trong nước.

Giải thích: Đây là lấy ví dụ để giải thích vấn nạn. Nước sữa tuy hoà hợp, nhưng khi con ngỗng uống, thì chỉ uống sữa mà không uống nước, cho nên sữa tuy hết mà nước thì không cạn. Bản thức cùng với phi bản thức cũng vậy, tuy hoà hợp nhưng một diệt một còn.

Luận nói: Cũng như thế gian khi lìa dục, sự huân tập của bất tĩnh địa diệt, sự huân tập của tĩnh địa tăng,thì nghĩa chuyển y của thế gian được thành. Chuyển y của xuất thế cũng như vậy.

Giải thích: Trước đã dẫn sự thế gian hiểu rõ làm thí dụ. Sau đây dẫn sự người trí thế gian hiểu rõ làm thí dụ. Như người thế gian lìa dục, thì phiền não và nghiệp chủng tử của bất tĩnh địa trong bản thức diệt mất. Công đức thiện căn của tĩnh địa sự huân tập viên mãn, thì chuyển chỗ y của cõi dưới thành chỗ y của cõi trên. Chuyển y của xuất thế cũng như vậy, do công năng của bản thức giảm dần, sự huân tập nghe thứ tự giảm dần, bỏ chỗ dựa phàm phu mà làm Thánh. Chỗ Thánh nhân dựa là sự huân tập nghe và tánh giải thoát hoà hợp. Trên nền tảng đó, tất cả bậc Thánh đều nương vào đấy mà sinh.

HẾT - QUYỂN 3